

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP, LẮP ĐẶT

Giữa

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM
NGỌC THƠM FOODS**

Và

CÔNG TY TNHH FOTESCO

Số hợp đồng: 231204/NTF-FTC

Ngày: 12/04/2023



THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này ("**Hợp đồng**") được lập vào ngày 04 tháng 12 năm 2023 bởi và giữa Các Bên như sau:

BÊN MUA/BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1102026993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 14/03/2023, đăng ký thay đổi thứ: 1, ngày 21/06/2023.

Địa chỉ : Lô E5, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam

Đại diện : Bà **TRẦN THỊ THƠM** Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

Mã số thuế : 1102026993

Và

BÊN BÁN/BÊN B: CÔNG TY TNHH FOTESCO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316352833 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 26/06/2020.

Địa chỉ : 22 Đường số 9, KDC số 4, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Đại diện : Ông **ĐINH PHƯƠNG TÂN** Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại : 028 22 000 158

Mã số thuế : 0316352833

Số tài khoản : 04001010089465 tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) – CN Hồ Chí Minh

Điều 1 GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Hợp đồng này các từ, ngữ dưới đây được Các Bên thống nhất hiểu như sau:

- 1.1. "**Hai Bên**" hoặc "**Các Bên**" có nghĩa là Bên A và Bên B.
- 1.2. "**Mỗi Bên**" gọi riêng Bên A hoặc Bên B.
- 1.3. "**Ngày làm việc**" là thời gian từ 8 giờ đến 17 giờ từ ngày thứ Hai đến thứ Bảy (không bao gồm các ngày nghỉ, lễ) hoặc khoảng thời gian khác theo ngày làm việc thực tế của Bên A trong từng thời kỳ được Các Bên thống nhất bằng văn bản.
- 1.4. "**Ngày**" trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng, "ngày" được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

Điều 2 ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

- 2.1 Bên A đồng ý đặt hàng và Bên B đồng ý cung cấp "**Máy đóng gói chân không HENKOVAC, Model: D4**" (Sau đây gọi tắt là "**Công việc**", "**Thiết bị**").
- 2.2 Thông số kỹ thuật theo Phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

Điều 3 HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Các Bên tham gia ký Hợp đồng hoàn thành xong nghĩa vụ của mình được quy định trong Hợp đồng này trừ khi chấm dứt trước theo thỏa thuận tại Hợp đồng. Sau khi hoàn tất các thủ tục về nghiệm thu, thanh quyết toán và nghĩa vụ của mỗi Bên thì Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

Điều 4 GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

ĐVT: VND

STT	Hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy đóng gói chân không hiệu HENKOVAC, Model: D4	Cái	1	530,000,000	530,000,000
Tổng cộng trước thuế					530,000,000
Thuế GTGT (08%)					42,400,000
Tổng cộng sau thuế					572,400,000

Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm đồng chẵn./.

Tổng giá trị Hợp đồng sau thuế nêu trên đã bao gồm Thuế GTGT và các loại thuế có liên quan để Bên B hoàn tất Công việc của mình.

*** Thuế GTGT được áp dụng theo Nghị định của Chính Phủ số: 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 (Áp dụng từ ngày 01/07/2023 đến 31/12/2023). Trường hợp hàng hóa được hoàn thành việc giao hàng, lắp đặt và nghiệm thu sau ngày 31/12/2023, thuế suất thuế giá trị gia tăng sẽ được áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành tại thời điểm hoàn thành lắp đặt nghiệm thu.

Điều 5 THANH TOÁN GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

5.1 Phương thức thanh toán: theo các đợt cụ thể như sau:

Đợt 1: Bên A đặt cọc cho Bên B 10% giá trị hợp đồng, tương đương: **57,240,000 VNĐ** (**Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng./.**) ngay sau khi 2 bên ký xong hợp đồng trong vòng 07 (bảy) ngày.

Đợt 2: Bên A thanh toán cho Bên B 80% giá trị hợp đồng, tương đương: **457,920,000 VNĐ** (**Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng./.**) không quá 05 (năm) ngày kể từ ngày bên B đã giao hàng đến Bên A, chưa tiến hành lắp đặt Thiết bị.

Đợt 3: Bên A thanh toán cho Bên B 10% còn lại giá trị hợp đồng, tương đương: **57,240,000 VNĐ** (**Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng./.**) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc khi Bên B hoàn thành toàn bộ việc lắp đặt, bàn giao và nghiệm thu.

(**) Bên B thông báo cho Bên A thời điểm giao hàng chính xác trước 05 ngày. Đối với hàng nhập khẩu, khi hàng về đến Việt Nam sẽ được giao trực tiếp đến Bên A. Đối với hàng sản xuất trong nước Bên B sẽ gửi thông báo giao hàng đến bên A 05 ngày trước ngày xuất xưởng. Trường hợp Bên A không thể nhận hàng tại nhà máy/công trình thì Bên A chịu trách nhiệm sắp xếp địa điểm nhận hàng khác tương đương địa điểm giao hàng đã nêu trong hợp đồng để nhận hàng từ Bên B. Trong trường hợp này, chi phí phát sinh trong quá trình lưu kho, và vận chuyển từ kho tạm đến nơi lắp đặt do Bên A chịu.

Quá 02 ngày so với thời điểm giao hàng được thông báo mà Bên A vẫn không nhận hàng, thì Bên B sẽ tìm các biện pháp lưu kho tạm chờ giao và việc giao hàng được

xem như đã hoàn thành tại thời điểm này. Bên A sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán Đợt 2 như đã nêu tại Hợp đồng. Bên B sẽ thông báo chi phí phát sinh lưu kho tạm cho Bên A bằng văn bản theo chi phí thực tế để Bên A thanh toán cho Bên B chi phí này.

Nếu quá 30 ngày kể từ ngày giao hàng mà việc lắp đặt và nghiệm thu không thể thực hiện không do lỗi của Bên B thì mặc nhiên Hàng hóa, Thiết bị đã nghiệm thu và Bên A sẽ thực hiện thanh toán đợt cuối không quá 30 ngày kể từ ngày hàng hóa được giao đến nhà máy của Bên A.

Hình thức thanh toán: Mọi khoản thanh toán phát sinh theo quy định tại Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm được Bên A thanh toán bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Bên B nêu tại Hợp đồng này.

Trường hợp chuyển tiền thừa: Một Bên sẽ hoàn trả ngay số tiền đã nhận thừa từ Bên còn lại do sai sót hay nhầm lẫn trong vòng 03 (ba) Ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên còn lại.

Máy móc và thiết bị vẫn thuộc về Bên B cho đến khi Bên A thanh toán đủ 100% giá trị hợp đồng (Bên B được phép mang toàn bộ máy móc thiết bị về khi việc thanh toán không đúng như thỏa thuận trên).

5.2 Đồng tiền thanh toán: bằng tiền Việt Nam đồng.

Điều 6 THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM

6.1 **Thời hạn giao hàng:** Trong vòng 12-13 tuần (không tính ngày nghỉ, lễ, tết) được tính từ lúc đủ các điều kiện sau:

- + Hợp đồng được ký kết hợp lệ
- + Bên A xác nhận thông số kỹ thuật.
- + Bên B nhận được thanh toán Đợt 1 từ Bên A

6.2 **Địa điểm giao hàng và lắp đặt:** Địa chỉ nhà máy của bên A (Lô E5, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam)

Điều 7 LẮP ĐẶT VÀ NGHIỆM THU

7.1 Lắp đặt: Bên B bằng chi phí và rủi ro của mình, chịu trách nhiệm vận chuyển tất cả Thiết bị đến Nhà máy của Bên A và cung cấp mọi phương tiện, nhân lực và những thứ cần thiết khác để hoàn thiện Công việc theo đúng quy định tại Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm.

- Quá 30 ngày kể từ ngày giao hàng, việc lắp đặt và bàn giao không thể thực hiện mà không do lỗi của Bên B thì mặc nhiên Thiết bị đã bàn giao nghiệm thu thành công.
- Bên A chuẩn bị đầy đủ các điều kiện mặt bằng, nguồn điện, nguồn nước, nguyên liệu, vật tư... theo thống nhất của Hai Bên để Bên B lắp đặt và chạy thử thiết bị.
- Bên A bố trí đội ngũ nhân viên sẽ được đào tạo để vận hành và bảo trì thiết bị.
- Bên B cử chuyên viên đến chạy thử, hướng dẫn vận hành và bàn giao thiết bị.
- Các rủi ro về tổn thất vật chất (như mất mát phụ kiện của Thiết bị) đối với Thiết bị được chuyển giao từ Bên B sang Bên A kể từ khi Các Bên ký Biên bản giao hàng.

7.2 Nghiệm thu hoàn tất:

Toàn bộ Công việc được nghiệm thu khi:

- a. Thiết bị, vật tư được giao và lắp đặt, đúng chủng loại, xuất xứ, chất lượng theo quy định tại Phụ lục 01 Hợp đồng.

- b. Thiết bị khi đưa vào sử dụng đảm bảo được các chức năng, công năng, tính năng, hiệu suất sử dụng theo điều kiện nghiệm thu mà hai bên đồng ý.
- c. Bên A nhận được các chứng từ sau:
 - Sổ tay hướng dẫn và vận hành Thiết bị.
 - Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) đối với Thiết bị, vật tư được lắp đặt theo yêu cầu của Bên A (nếu có);
 - Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của Bên A (nếu có).

7.3 Căn cứ nghiệm thu:

- Nội dung Hợp đồng và Phụ lục 01 của Hợp đồng;
- Thiết bị và vật tư phải theo đúng chủng loại, xuất xứ, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng đã được nêu rõ trong Phụ lục 01 của Hợp đồng;
- Quy định pháp luật có liên quan; các yêu cầu khác của Bên A (nếu có).

Biên bản nghiệm thu được lập thành 04 (bốn) bản chính và là căn cứ để Bên B bảo hành cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng. Bên A giữ 02 (hai) bản và Bên B giữ 02 (hai) bản. Các bản có giá trị như nhau.

Điều 8 BẢO HÀNH

- 8.1** Bên B sẽ bảo hành về chất lượng vật tư thiết bị trong vòng 12 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao, lắp đặt thiết bị.

Chỉ bảo hành do lỗi của nhà sản xuất, không bảo hành với những phụ tùng có tính hao mòn tự nhiên hoặc bị trầy xước trong quá trình sử dụng.

Toàn bộ các Thiết bị, vật tư kèm theo phải được bảo hành theo tiêu chuẩn và điều kiện của nhà sản xuất hoặc theo thỏa thuận của Hai Bên bằng toàn bộ chi phí của Bên B. Trường hợp xảy ra sai sót, hư hỏng (“Sự cố”) thuộc phạm vi bảo hành, Bên B có nghĩa vụ bảo hành miễn phí cho Bên A khi nhận được yêu cầu sửa chữa từ Bên A trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm thông báo, trừ các trường hợp phức tạp cần nhiều thời gian hơn để thay thế, khắc phục thì thực hiện theo thời gian hợp lý.

- 8.2** Các nghĩa vụ khác liên quan đến bảo hành được thực hiện theo quy định của pháp luật.
- 8.3** Nghĩa vụ bảo hành của Bên B vẫn phải thực hiện mà không phụ thuộc vào thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.
- 8.4** Bên B không chịu trách nhiệm bảo hành các sự cố và hư hỏng xảy ra do lỗi Bên A vận hành sai qui trình kỹ thuật mà Bên B đã bàn giao cho Bên A.

Điều 9 BẤT KHẢ KHÁNG

- 9.1** Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của Các Bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hỏa hoạn; dịch bệnh, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- 9.2** Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất Khả Kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp đồng.
- 9.3** Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất Khả Kháng có nghĩa vụ phải:
- 9.3.1** Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

9.3.2 Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 03 (ba) ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

9.4 Trong trường hợp xảy ra sự kiện Bất Khả Kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

Điều 10 QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- 10.1 Phân công nhân viên giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- 10.2 Cung cấp vị trí sẵn sàng cho việc lắp đặt, hỗ trợ đưa máy vào vị trí. Cung cấp nguồn chính với các đầu nối tiêu chuẩn (điện, nước, khí nén, đường ống...) đến địa điểm nối vào máy. Cung cấp các tiện ích phù hợp để vận hành thiết bị, vật tư, nguyên liệu và tạo điều kiện cho Bên B thực hiện Công việc.
- 10.3 Được quyền kiểm tra, giám sát tại mọi thời điểm khối lượng, chất lượng hệ thống thiết bị, vật tư mà Bên B cung cấp và lắp đặt.
- 10.4 Được quyền từ chối nhận các vật tư, thiết bị liên quan đến Công việc và yêu cầu Bên B thay thế thiết bị, vật tư khác tương đương trong trường hợp Bên B cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị không đúng quy định tại Hợp đồng và/hoặc Phụ lục 01 của Hợp đồng.
- 10.5 Có quyền kiểm tra các biện pháp thi công của Bên B tại công trình trong suốt thời gian thi công và cho đến khi hết thời hạn bảo hành nêu tại Hợp đồng. Trong trường hợp Bên A nhận thấy các biện pháp thi công lắp đặt, sửa chữa, bảo hành của Bên B không phù hợp theo qui định pháp luật thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay đổi và đề xuất các giải pháp thi công phù hợp với nhu cầu sử dụng của Bên A và tuân thủ các qui định nêu tại Hợp đồng này.
- 10.6 Thanh toán đúng theo thỏa thuận của Hợp đồng sau khi Bên B đã hoàn thành toàn bộ Công việc theo quy định tại Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm.
- 10.7 Bố trí nhân sự theo yêu cầu của Bên B để Bên B đào tạo trong quá trình lắp đặt, hướng dẫn sử dụng và nghiệm thu.
- 10.8 Báo cho Bên B biết tình trạng Thiết bị để kịp thời sửa chữa hư hỏng, khắc phục sự cố xảy ra.
- 10.9 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11 QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM, CAM ĐOAN, CAM KẾT CỦA BÊN B

- 11.1 Cam kết thực hiện Công việc theo đúng quy định Hợp đồng, các Phụ lục đính kèm và Bản vẽ thiết kế đã được Bên A phê duyệt (nếu có) và quy định của pháp luật.
- 11.2 Cung cấp và lắp đặt Thiết bị cho Bên A đúng chất lượng, model, chủng loại, xuất xứ, đáp ứng yêu cầu của Bên A và các yêu cầu kỹ thuật nêu tại Điều 2 và Phụ lục 01 Hợp đồng. Trong trường hợp có sự thay đổi chủng loại vật tư so với Phụ lục 01 Hợp đồng thì Bên B phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A và Bên B chỉ được phép thi công khi có văn bản đồng ý của Bên A. Vật tư được thay thế phải có giá trị tương đương hoặc cao hơn so với chủng loại vật tư trước đó và đây không phải là căn cứ để Bên B tính phát sinh sau này.
- 11.3 Có trách nhiệm bảo hành toàn bộ hạng mục Công việc, Thiết bị, vật tư đã thực hiện cho Bên A theo quy định của Hợp đồng.

- 11.4 Bên B sẽ cử kỹ sư của mình đến nhà máy Bên A tại địa chỉ quy định tại Điều 6.2 của Hợp đồng để thực hiện việc lắp đặt, thực hiện các hạng mục để hoàn thành toàn bộ Công việc và vận hành thử hệ thống Thiết bị đồng thời nghiệm thu Công việc.
- 11.5 Bố trí Thiết bị, vật tư và nhân công theo yêu cầu tiến độ và thời gian lắp đặt được Bên A nêu ra.
- 11.6 Chịu trách nhiệm cho việc xin các thủ tục vận chuyển các vật tư, Thiết bị đến nơi nhận hàng của Bên A, đảm bảo việc vận chuyển giao nhận đúng tiến độ yêu cầu của Bên A. Mọi chi phí phát sinh, rủi ro trong quá trình vận chuyển Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm chi trả bằng kinh phí của mình.
- 11.7 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có yêu cầu phát sinh thiết bị, vật tư từ Bên A thì Bên B phải gửi chào giá và chỉ khi được Bên A xác nhận bằng email/văn bản cho Bên B thì Bên B mới được phép tiến hành thi công. Bản chào giá phát sinh có xác nhận của Bên A là căn cứ để Bên A thanh toán cho Bên B sau khi hoàn thành.
- 11.8 Được nhận thanh toán từ Bên A theo đúng quy định tại Hợp đồng sau khi Bên A xác nhận nghiệm thu hoàn thành Công việc theo đúng quy định của Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm.

Điều 12 CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

12.1 Đương nhiên chấm dứt Hợp đồng

- 12.1.1 Các Bên không được phép đơn phương chấm dứt Hợp đồng này nếu không phải trường hợp được phép chấm dứt.
- 12.1.2 Hợp đồng này đương nhiên chấm dứt khi một trong Hai Bên chấm dứt hoạt động theo pháp luật doanh nghiệp hoặc Bên B hoàn tất các nghĩa vụ của mình như nêu tại Hợp đồng và Bên A hoàn tất việc thanh toán các chi phí đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho Bên B hoặc khi Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

12.2 Đơn phương chấm dứt Hợp đồng

Trong những trường hợp sau đây (“Sự Kiện Vi Phạm”), Bên A có quyền chấm dứt, hoặc đình chỉ, hoặc hủy bỏ Hợp đồng này với hiệu lực ngay lập tức vào bất kỳ thời điểm nào sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên B:

- 12.2.1 Nếu Bên B chậm trễ, trì hoãn hoặc không hoàn thành đúng Công việc và từng hạng mục công việc theo đúng tiến độ của từng hạng mục công việc, hoặc vi phạm tiến độ chung của toàn bộ Công trình mà Bên B đã cam kết và các bên đã thống nhất theo quy định Hợp đồng này, các phụ lục đính kèm, hoặc các thay đổi đã được Bên B và Bên A xác nhận đồng ý trong suốt quá trình thực hiện (nếu có).
- 12.2.2 Nếu từng hạng mục hoặc toàn bộ Công trình không đáp ứng điều kiện nghiệm thu hoặc không được nghiệm thu theo đúng tiến độ quy định tại Hợp đồng và các phụ lục đính kèm, hoặc các thay đổi đã được Bên B và Bên A xác nhận đồng ý trong suốt quá trình thực hiện (nếu có).
- 12.2.3 Bên B vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào khác theo Hợp đồng mà không khắc phục sau khi Bên A có thông báo.

Điều 13 PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG, BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

13.1 Phạt chậm thanh toán:

13.1.1. Trường hợp Bên A không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã nêu tại Hợp đồng thì Bên A sẽ thanh toán cho Bên B tiền lãi chậm thanh toán bằng lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) qui định tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, mức tối đa khoản tiền lãi không quá 08% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm.

13.1.2. Trường hợp Bên B không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền phạt, bồi thường do hành vi vi phạm của mình thì Bên B sẽ thanh toán cho Bên A tiền lãi chậm thanh toán bằng lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) qui định tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

13.2 Phạt do chậm tiến độ thực hiện Công việc, nghiệm thu:

13.2.1 Bên B đồng ý rằng nếu Bên B chậm trễ hoàn thành Công việc hoặc từng hạn mục Công việc theo tiến độ, hoặc không được Bên A nghiệm thu theo đúng quy định tại Hợp đồng vì không đáp ứng điều kiện nghiệm thu, thì Bên B phải trả cho Bên A một khoản tiền phạt bằng 1% trên tổng giá trị của hạng mục/công việc chưa hoàn thành (là giá trị tạm tính theo Điều 4 của Hợp đồng và Phụ lục) cho 01 (một) tuần chậm trễ.

13.2.2 Tổng số tiền phạt này không vượt quá 08% tổng giá trị Hợp đồng. Trong trường hợp sau khi Bên A đã áp dụng mức phạt tối đa (08%) mà Bên B vẫn chưa hoàn thành Công việc và/hoặc không được Bên A nghiệm thu. Bên B có nghĩa vụ khắc phục và hoàn thành hạng mục bị chậm trễ trong thời hạn do Bên A ấn định. Nếu Bên B tiếp tục chậm trễ, tức không khắc phục được, hoặc không hoàn thành được trong thời hạn mà Bên A ấn định, không được Bên A nghiệm thu, thì đây được xem là vi phạm mới của Bên B và Bên B tiếp tục chịu phạt một khoản tiền phạt bằng 1% trên tổng giá trị của hạng mục/công việc chưa hoàn thành (là giá trị tạm tính theo Điều 4 của Hợp đồng và Phụ lục) như theo quy định tại Điều 13.2.1.

13.3 Phạt do đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái thỏa thuận, hậu quả chấm dứt Hợp đồng:

13.3.1 Trong trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không thuộc các trường hợp được chấm dứt nêu tại Hợp đồng này, thì Bên A phải chịu phạt 08% giá trị Hợp đồng bị vi phạm, và bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế xảy ra.

13.3.2 Trường hợp Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không thuộc các trường hợp được chấm dứt nêu tại Hợp đồng này, hoặc trong trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt hoặc đình chỉ, hoặc hủy bỏ Hợp đồng này theo quy định tại Hợp đồng, thì Bên B phải:

- i. Chịu phạt 08% tổng giá trị Hợp đồng tạm tính nêu tại Điều 4;
- ii. Hoàn trả ngay lập tức cho Bên A toàn bộ tiền cọc, tất cả các khoản tiền và chi phí khác mà Bên B đã nhận từ Bên A, cộng với lãi suất trên số tiền cọc và các khoản khác đã thanh toán trước (theo mức lãi suất 0,1%/ngày);
- iii. Ngưng việc lắp đặt, thực hiện Công việc ngay lập tức;
- iv. Bằng nguồn chi phí và nhân lực của mình, Bên B có nghĩa vụ thu dọn toàn bộ vật tư, thiết bị, tất cả các vật dụng khác của Bên B, kể cả rác, xà bần... để hoàn trả mặt bằng sạch cho Bên A. Việc thu dọn này phải được thực hiện nhanh, không quá 3 ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng. Nếu

- 15.3 Trong trường hợp một hoặc vài điều khoản của Hợp đồng này bị coi là vô hiệu hoặc bị hủy bỏ, những phần còn lại vẫn được giữ nguyên giá trị và hiệu lực.
- 15.4 Mỗi Bên khai trình và bảo đảm với Bên kia rằng Bên đó có quyền hợp pháp để ký kết và thực hiện Hợp đồng này.
- 15.5 Nếu có điều khoản, nội dung nào trong Hợp đồng hoặc phụ lục, biên bản, các tài liệu khác không rõ ràng thì điều khoản, nội dung đó được giải thích và áp dụng theo hướng có lợi cho Bên A. Các lỗi về hình thức như chính tả, định dạng, định nghĩa, viết hoa, viết tắt, đánh số thứ tự, sử dụng ký hiệu, tiếng nước ngoài, v.v... (nếu có) có thể được chấp nhận nếu không ảnh hưởng đến nội dung của Hợp đồng này và ý chí chung của Hai Bên.

Điều 16 ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 16.1 Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng này. Mọi sự sửa đổi, bổ sung Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng này phải được sự đồng ý bằng văn bản của Các Bên.
- 16.2 Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản chính, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.
- 16.3 Đính kèm Hợp đồng gồm:
- Phụ lục 01: Thông số kỹ thuật

ĐẠI DIỆN BÊN A



Trần Thị Thơm

ĐẠI DIỆN BÊN B



ĐINH PHƯƠNG TÂN



PHỤ LỤC 01 – THÔNG SỐ KỸ THUẬT

(Đính kèm hợp đồng số 231204/NTF-FTC ngày 04/12/2023)

Machine: “HENKOVAC” Double Chambers, Model: D4



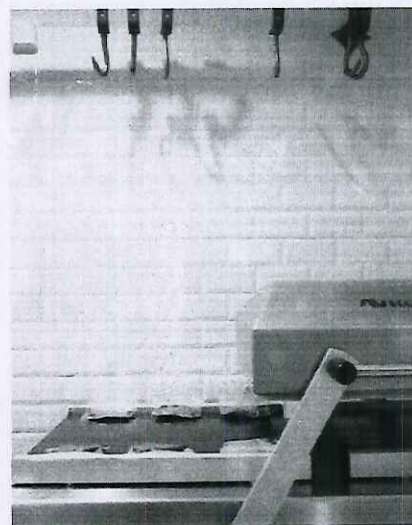
(The picture does not correspond exactly to the original machine)

Professionals in 80 countries worldwide choose Henkovac as their number 1 source for Double Chamber Vacuum Packing machines. Henkovac offers a complete product line that fulfills the vacuum packing needs of small to medium size food processing and food preparation companies in many industries.

Double Chamber benefits

Efficient, high capacity and build to last.

Our new range of double chambers are reliable, durable and offers flexibility in volume production. Our machines can be equipped with semi-automatic or automatic cover movement for an even more efficient production. The double chambers can also be equipped with an external pump.



Type: HENKOVAC - D4

Chamber dimension (LxBxH): 920x870x270 mm

Machine dimension (LxBxH): 2050x1265x1185 mm

Seal: Double

Standard voltage: 400 - 3 - 50 Hz

Digital Time Control: 10 Programs

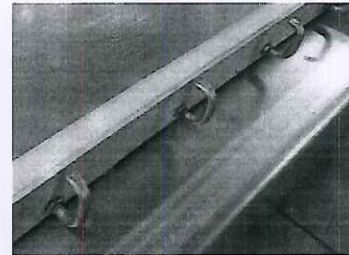
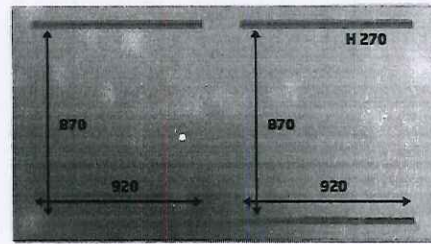
Pump upgrade: 300 m3/h

Seal bar length: 4 x 920 mm

Machine cycle: 25-40 sec.

Gas injection

Power: 6.2 -9.7 Kw



***** Phụ kiện tặng kèm gồm:**

- 1 bộ dây hàn nhiệt (dây kép)
- 1 bộ gioăng nắp buồng chân không.
- 1 bộ lọc dầu bơm chân không

Phụ lục này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, các bản có giá trị ngang nhau và được đính kèm vào Hợp đồng số 231204/NTF-FTC ngày 04/12/2023.

ĐẠI DIỆN BÊN A

TRẦN THỊ THƠM

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐINH PHƯƠNG TÂN

